TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 53/2020/HSST
Ngày 12 tháng 11 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Công Hiến**

Ông **Hoàng Quốc Trị**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Hồng Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 12/11/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/HSST ngày 14/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn T** *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1975; tại xã Y, huyện L, tỉnh H; Nơi cư trú thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ Phạm Thị D và có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định số 01/2016/QĐ-TA ngày 04/4/2016, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 90/2012/HSST ngày 06/12/2012, Toà án nhân dân thị xã Đ, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn T 12 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/07/2020, chuyển tạm giam ngày 27/07/2020 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Phạm Thị D,** sinh năm 1976; nơi cư trú thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh H. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

Anh **Nguyễn Anh T,** anh **Phạm Văn L**. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T là người sử dụng heroine. Quá trình sử dụng ma túy, T biết và từng nhiều lần mua heroine của một người đàn ông tên là "Minh" (T không biết họ, tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của người này) thường đứng ở khu vực gần đầu cầu Đ, huyện Q, tỉnh N. Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 90F2 - **** đi tìm mua heroine để sử dụng. Khi đi qua khu vực xã X, huyện Q, T vào một hiệu thuốc tân dược (T không nhớ địa chỉ và tên hiệu thuốc) mua 01 bơm kim tiêm, 01 lọ nước cất với giá tiền là 5.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến khu vực đầu cầu Đ thuộc địa phận huyện Q thì nhìn thấy người đàn ông tên "Minh" đang đứng ở lề đường bên phải đường 477, cách chân cầu Đ khoảng 20 mét (hướng Q - V). T điều khiển xe mô tô lại vị trí "Minh" đứng và nói: "Để cho em bốn trăm"; Đồng thời, T lấy từ túi quần phía sau bên phải ra 400.000 đồng đưa cho người đàn ông để mua heroine. Người này cầm tiền rồi đưa lại cho T 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy nilon màu đỏ. Tuy không mở ra kiểm tra nhưng xác định bên trong gói nhỏ có chứa heroine nên T bỏ vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long, màu vàng mà T mang theo rồi cất vào túi áo ngực bên trái đang mặc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi đến xã G, huyện V để tìm mua lợn giống về nuôi. Khoảng 14 giờ 00 phút, khi T đi đến đập tràn thuộc xã G, thấy vắng người nên T dừng xe để sử dụng heroine. T lấy gói heroine vừa mua được lấy một phần chất bột dạng cục màu trắng cho vào bơm kim tiêm và sử dụng bằng hình thức tiêm chích. Sau khi sử dụng heroine xong, T gói phần heroine còn lại như ban đầu cho vào trong vỏ bao thuốc Thăng Long rồi cất vào túi áo ngực bên trái T mặc. T ném vỏ bơm kim tiêm cùng vỏ lọ nước cất tại vị trí T vừa sử dụng heroine rồi điều khiển xe mô tô đi về hướng phà Đ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đến phà Đ thì gặp Tổ công tác Công an huyện V đang làm nhiệm vụ. Thấy T có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến lại gần yêu cầu kiểm tra. T tự nguyện lấy gói heroine từ trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng ở túi áo ngực bên trái ra giao nộp cho Tổ công tác. T khai nhận đó là gói heroine T vừa mua, cất giấu để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ và niêm phong gói nhỏ nêu trên vào một phong bì thư dán kín, niêm phong theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 90F2 – ****; 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng long màu vàng và số tiền 5.490.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành mở niêm phong 01 gói nhỏ gói ngoài bằng lớp nilon màu đỏ, bên trong bọc lần lượt 01 lớp giấy bạc màu vàng và 01 lớp giấy bạc màu trắng, bên trong cùng đựng chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của T, lấy mẫu giám định để gửi đi xác định khối lượng và giám định chất ma túy. Ký hiệu M.

Tại bản Kết luận giám định số 211/KLGĐ-PC09-MT ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,4317 (không phẩy bốn nghìn ba trăm mười bảy) gam, là ma túy, loại heroine.

- Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3266 gam, là ma túy, loại Heroine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. (Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 211/KLGĐ-PC09-MT theo đúng quy định pháp luật).

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-GV ngày 12/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Nguyễn Văn T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**, theo điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phạm Thị D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Chị là vợ của Nguyễn Văn T, ngày 24/7/2020 chị có đưa cho Nguyễn Văn T số tiền 5.490.000 đồng và 01 xe mô tô Biển kiểm soát 90F2-**** của gia đình để T đi mua lợn giống về nuôi. Chị không biết Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi mua ma túy, sau khi vụ án xảy ra chị mới biết. Hiện nay, chị đã được cơ quan Công an trả lại số tiền 5.490.000 đồng và xe mô tô Biển kiểm soát 90F2-**** và chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2020.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định, do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 211/KLGĐ-PC09-MT, bên trong gồm: chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3266 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh nilon màu đỏ, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng và 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T, là vật chứng

thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/7/2020, tại khu vực phà Đ thuộc địa phận xã G, huyện V, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,4317 gam Heroine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý

1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a, …….;

b, …….;

c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

…….

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của nòi giống, làm khánh kiệt kinh tế của người sử dụng chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T có một tiền sự và từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo Nguyễn Văn T là người sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong theo quy định, do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 211/KLGĐ-PC09-MT, bên trong gồm: chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3266 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh nilon màu đỏ, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng và 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T, là vật chứng thuộc

loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.490.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, gắn BKS 90F2-****, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô và số tiền nêu trên là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị D, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh H (là vợ của T). Việc T sử dụng chiếc xe mô tô để đi mua ma túy, chị D không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô và số tiền 5.490.000 đồng cho chị Phạm Thị Dân, là phù hợp.

Đối với 01 bơm kim tiêm và 01 vỏ lọ nước cất là dụng cụ sử dụng ma túy của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định: Sau khi sử dụng ma túy, T đã vứt lại khu vực đập tràn thuộc xã G, huyện V. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

[11]. Đối với người đàn ông tên "Minh" đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T, T khai không biết họ tên tuổi, địa chỉ của người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý.

[11] ***Về án phí***: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ 24/07/2020.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định, do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 211/KLGĐ-PC09-MT, bên trong gồm: chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3266 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh nilon màu đỏ, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng và 01 ví giả da màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng. (Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy theo

biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/10/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:*** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành